

Số: 729 /QĐ-SYT

Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt nội dung, tài liệu ôn tập thi Phỏng vấn (vòng 2)
tại kỳ xét tuyển viên chức vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp y tế
trực thuộc Sở Y tế năm 2019

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức; Thông tư 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 08/9/2016 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2017 của UBND Thành phố ban hành quy định về phân cấp quản lý tổ chức tổ máy, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 5020/QĐ-UBND ngày 12/9/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt chỉ tiêu và ban hành Kế hoạch xét tuyển viên chức vào làm việc tại các trạm y tế xã, phường, thị trấn thuộc các Trung tâm y tế quận, huyện, thị xã và bác sỹ nội trú Bệnh viện, Thủ khoa xuất sắc làm việc tại các Bệnh viện tuyển Thành phố trực thuộc Sở Y tế Hà Nội năm 2019.

Căn cứ Kế hoạch số 4594/KH-SYT ngày 18/10/2019 của Sở Y tế về việc Tổ chức triển khai Quyết định số 5020/QĐ-UBND ngày 12/9/2019 của UBND Thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 215/QĐ-SYT ngày 26 tháng 02 năm 2020 của Sở Y tế về việc thành lập Hội đồng Xét tuyển viên chức Sở Y tế năm 2019;

Theo đề nghị của Thường trực Hội đồng xét tuyển viên chức Sở Y tế.



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung, tài liệu ôn tập thi Phỏng vấn (vòng 2) tại kỳ xét tuyển viên chức vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp y tế trực thuộc Sở Y tế năm 2019, cụ thể như sau:

- Nội dung, tài liệu ôn tập dành cho đối tượng dự tuyển vào chức danh nghề nghiệp hạng III (*Phụ lục số 01 kèm theo*).
- Nội dung, tài liệu ôn tập dành cho đối tượng dự tuyển vào chức danh nghề nghiệp hạng IV (*Phụ lục số 02 kèm theo*).

Điều 2. Giao Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội (thường trực website của Sở Y tế) công bố nội dung, tài liệu ôn tập thi Phỏng vấn (vòng 2) tại kỳ xét tuyển viên chức vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp y tế trực thuộc Sở Y tế năm 2019;

Giao Giám đốc các đơn vị có chỉ tiêu xét tuyển công bố trên bảng tin chính, website (nếu có) của đơn vị và thông báo đến thí sinh dự tuyển vào đơn vị theo đúng yêu cầu.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh văn phòng, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Hội đồng xét tuyển viên chức năm 2019 của Sở Y tế và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: 

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Sở Nội vụ (để báo cáo);
- Ban giám đốc Sở Y tế (để chỉ đạo);
- Ban giám sát tuyển dụng Sở Y tế (để thực hiện);
- Các đơn vị tuyển dụng (để thực hiện);
- Lưu VT, TCCB. (2)



Nguyễn Khắc Hiền

Phụ lục số 01**DANH MỤC NỘI DUNG TÀI LIỆU ÔN TẬP XÉT TUYỂN VÒNG 2 VIÊN CHỨC VÀO CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP Y TẾ CÔNG LẬP NĂM 2019**

(Dành cho đối tượng dự xét tuyển vào chức danh nghề nghiệp viên chức Hạng III)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 729/QĐ-SYT ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Sở Y tế)

I. Tài liệu ôn tập gồm có.**Phần I - Luật viên chức và một số văn bản hướng dẫn thực hiện.**

1. Luật Viên chức số 58/2010/QH 12 ngày 15/11/2010.
2. Nghị định 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.
3. Nghị định 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.
4. Nghị định 27/2012/NĐ-CP ngày 06/4/2012 của Chính phủ qui định về xử lý kỷ luật viên chức và trách nhiệm bồi thường, hoàn trả của viên chức.

Phần II. Về Luật bảo vệ sức khỏe nhân dân và chức năng, nhiệm vụ của Sở Y tế.

1. Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân số 21-LCT/HĐNN8 ngày 30/6/1989;
2. Thông tư liên tịch số 51/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 11/12/2015 Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

Phần III. Quy chế chuyên môn.

1. Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009;
2. Thông tư 51/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế về Hướng dẫn phòng, chẩn đoán và xử trí phản vệ.

II. Nội dung ôn tập trọng tâm.

Phần I. Luật viên chức và một số văn bản hướng dẫn thực hiện.

1. Luật Viên chức số 58/2010/QH 12 ngày 15/11/2010.

- Điều 2. Định nghĩa viên chức
- Điều 5. Các nguyên tắc trong hoạt động nghề nghiệp của viên chức.
- Khoản 1 Điều 7. Vị trí việc làm
- Khoản 1 Điều 8. Chức danh nghề nghiệp
- Điều 11. Quyền của viên chức về hoạt động nghề nghiệp
- Điều 17. Nghĩa vụ của viên chức trong hoạt động nghề nghiệp
- Điều 19. Những việc viên chức không được làm
- Khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 29. Viên chức đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc
- Khoản 1 Điều 31. Bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp đối với viên chức.
- Điều 45. Chế độ thôi việc
- Điều 46. Chế độ hưu trí

2. Nghị định 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức

- Điều 3. Phân loại viên chức
- Điều 32. Mục tiêu, nguyên tắc đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức
- Điều 38. Giải quyết thôi việc

3. Nghị định 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

- Mục 11 Điều 2. Chế độ tập sự đối với viên chức
- Mục 15 Điều 2. Giải quyết thôi việc đối với viên chức

4. Nghị định 27/2012/NĐ-CP ngày 06/4/2012 của Chính phủ qui định về xử lý kỷ luật viên chức và trách nhiệm bồi thường, hoàn trả của viên chức.

- Điều 3. Nguyên tắc xử lý kỷ luật
- Điều 5. Các trường hợp chưa xem xét xử lý kỷ luật
- Điều 6. Các trường hợp được miễn xử lý kỷ luật
- Điều 10. Hình thức kỷ luật khiển trách
- Điều 13. Hình thức kỷ luật buộc thôi việc

Phần II. Về Luật bảo vệ sức khỏe nhân dân và chức năng, nhiệm vụ của Sở Y tế.

1. Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân số 21-LCT/HĐNN8 ngày 30/6/1989;

- Điều 1. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ sức khoẻ.
- Điều 2. Nguyên tắc chỉ đạo công tác bảo vệ sức khỏe.
- Điều 3. Trách nhiệm của Nhà nước trong công tác bảo vệ sức khỏe nhân dân.
- Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, các đơn vị vũ trang nhân dân.
- Điều 5. Trách nhiệm của các tổ chức xã hội trong công tác bảo vệ sức khỏe nhân dân.
- Điều 7. Vệ sinh lương thực, thực phẩm, các loại nước uống và rượu.
- Điều 8. Vệ sinh nước và các nguồn nước dùng trong sinh hoạt của nhân dân.
- Điều 9. Vệ sinh trong sản xuất, bảo quản, vận chuyển và sử dụng hoá chất.
- Điều 13. Vệ sinh trong trường học và nhà trẻ.
- Điều 14. Vệ sinh trong lao động.
- Điều 15. Vệ sinh nơi công cộng.
- Điều 17. Phòng và chống các bệnh nhiễm khuẩn, bệnh dịch.
- Điều 18. Kiểm dịch.
- Điều 23. Quyền được khám bệnh và chữa bệnh.
- Điều 24. Điều kiện hành nghề của thầy thuốc.
- Điều 25. Trách nhiệm của thầy thuốc
- Điều 26. Giúp đỡ bảo vệ thầy thuốc và nhân viên y tế.
- Điều 27. Trách nhiệm của người bệnh.
- Điều 28. Chữa bệnh bằng phẫu thuật.
- Điều 35. Điều kiện hành nghề của lương y.
- Điều 36. Trách nhiệm của lương y.
- Điều 37. Giúp đỡ và bảo vệ lương y.
- Điều 43. Thực hiện kế hoạch hoá gia đình.
- Điều 46. Bảo vệ sức khoẻ trẻ em.
- Điều 52. Khen thưởng.
- Điều 53. Xử lý các vi phạm.

2. Thông tư liên tịch số 51/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 11/12/2015 Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh .

- Điều 1. Vị trí và chức năng của Sở Y tế.
- Khoản 1, khoản 2 Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn về việc dự thảo các quyết định, chỉ thị, văn bản trình UBND cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp tỉnh.
- Khoản 5, khoản 6 Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Y tế về Truyền thông - Giáo dục sức khỏe; Y tế dự phòng.
- Khoản 7, khoản 8 Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Y tế về khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng; Y dược cổ truyền.
- Khoản 1, khoản 2 Điều 3. Cơ cấu tổ chức của Lãnh đạo Sở Y tế; Các tổ chức tham mưu tổng hợp và chuyên môn nghiệp vụ thuộc Sở Y tế.

Phần III. Quy chế chuyên môn.

1. Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009;

- Điều 54. Cấp cứu
- Điều 55. Chẩn đoán bệnh, chỉ định phương pháp điều trị và kê đơn thuốc.
- Điều 56. Hội chẩn.
- Điều 57. Điều trị ngoại trú
- Khoản 3,4,5,6 Điều 58. Điều trị nội trú.
- Khoản 3,4 Điều 59. Hồ sơ bệnh án.
- Điều 61. Thực hiện phẫu thuật, can thiệp ngoại khoa .
- Điều 60. Sử dụng thuốc trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có điều trị nội trú.
- Điều 36. Nghĩa vụ đối với người bệnh
- Điều 37. Nghĩa vụ đối với nghề nghiệp
- Điều 62. Kiểm soát nhiễm khuẩn trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh
- Điều 63. Xử lý chất thải y tế.
- Điều 64. Giải quyết đối với người bệnh không có người nhận.
- Điều 65. Giải quyết đối với người bệnh tử vong.
- Điều 66. Bắt buộc chữa bệnh
- Điều 67. Trực khám bệnh, chữa bệnh.

- Từ Điều 7 đến Điều 13. Quyền của người bệnh;
- Từ Điều 14 đến Điều 16. Nghĩa vụ của người bệnh.
- Điều 3. Nguyên tắc trong hành nghề khám bệnh, chữa bệnh
- Điều 4. Chính sách của Nhà nước về khám bệnh, chữa bệnh.

2. Thông tư số 51/2017/TT-BYT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế Hướng dẫn phòng, chẩn đoán và xử trí phản vệ.

- Mục I. Phụ lục I. Hướng dẫn chẩn đoán phản vệ. Chẩn đoán phản vệ.
- Điều 4. Nguyên tắc dự phòng phản vệ.

III. Tài liệu tham khảo:

Yêu cầu các thí sinh nghiên cứu tài liệu gốc được các cơ quan có thẩm quyền ban hành để đảm bảo tính chính xác của nội dung ôn tập.

Phần I - Luật viên chức và một số văn bản hướng dẫn thực hiện.

Nội dung 1.

- **Định nghĩa Viên chức (Điều 2 của Luật viên chức):** Viên chức là công dân Việt Nam được tuyển dụng theo vị trí việc làm, làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập theo chế độ hợp đồng làm việc, hưởng lương từ quỹ lương của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật.

- **Các nguyên tắc trong hoạt động nghề nghiệp của viên chức (Điều 5 Luật viên chức):**

1. Tuân thủ pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình thực hiện hoạt động nghề nghiệp.
2. Tận tụy phục vụ nhân dân.
3. Tuân thủ quy trình, quy định chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp và quy tắc ứng xử.
4. Chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền và của nhân dân.

Nội dung 2.

- **Vị trí việc làm (Khoản 1 Điều 7 của Luật Viên chức):** Vị trí việc làm là công việc hoặc nhiệm vụ gắn với chức danh nghề nghiệp hoặc chức vụ quản lý tương ứng, là căn cứ xác định số lượng người làm việc, cơ cấu viên chức để thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập.

- **Chức danh nghề nghiệp (Khoản 1 Điều 8 của Luật Viên chức):** Chức danh nghề nghiệp là tên gọi thể hiện trình độ và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của viên chức trong từng lĩnh vực nghề nghiệp.

Nội dung 3.**- Quyền của viên chức về hoạt động nghề nghiệp (Điều 11 của Luật Viên chức):**

1. Được pháp luật bảo vệ trong hoạt động nghề nghiệp.
2. Được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ.
3. Được bảo đảm trang bị, thiết bị và các điều kiện làm việc.
4. Được cung cấp thông tin liên quan đến công việc hoặc nhiệm vụ được giao.
5. Được quyết định vấn đề mang tính chuyên môn gắn với công việc hoặc nhiệm vụ được giao.
6. Được quyền từ chối thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ trái với quy định của pháp luật.
7. Được hưởng các quyền khác về hoạt động nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

Nội dung 4.**- Nghĩa vụ của viên chức trong hoạt động nghề nghiệp (Điều 17 của Luật Viên chức):**

1. Thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ được giao bảo đảm yêu cầu về thời gian và chất lượng.
2. Phối hợp tốt với đồng nghiệp trong thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ.
3. Chấp hành sự phân công công tác của người có thẩm quyền.
4. Thường xuyên học tập nâng cao trình độ, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ.
5. Khi phục vụ nhân dân, viên chức phải tuân thủ các quy định sau:
 - a) Có thái độ lịch sự, tôn trọng nhân dân;
 - b) Có tinh thần hợp tác, tác phong khiêm tốn;
 - c) Không hách dịch, cửa quyền, gây khó khăn, phiền hà đối với nhân dân;
 - d) Chấp hành các quy định về đạo đức nghề nghiệp.
6. Chịu trách nhiệm về việc thực hiện hoạt động nghề nghiệp.
7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Nội dung 5.**Những việc viên chức không được làm (Điều 19 của Luật Viên chức):**

1. Trốn tránh trách nhiệm, thoái thác công việc hoặc nhiệm vụ được giao; gây bè phái, mất đoàn kết; tự ý bỏ việc; tham gia đình công;
2. Sử dụng tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và của nhân dân trái với quy định của pháp luật.
3. Phân biệt đối xử dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo dưới mọi hình thức.
4. Lợi dụng hoạt động nghề nghiệp để tuyên truyền chống lại chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước hoặc gây phương hại đối với thuần phong, mỹ tục, đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân và xã hội.
5. Xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của người khác trong khi thực hiện hoạt động nghề nghiệp.
6. Những việc khác viên chức không được làm theo quy định của Luật phòng, chống tham nhũng, Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Nội dung 6.**Viên chức đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc (Khoản 4, Khoản 5 và Khoản 6 Điều 29 của Luật Viên chức):**

1. Viên chức làm việc theo hợp đồng làm việc không xác định thời hạn có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản cho người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập biết trước ít nhất 45 ngày; trường hợp viên chức ốm đau hoặc bị tai nạn đã điều trị 06 tháng liên tục thì phải báo trước ít nhất 03 ngày.
2. Viên chức làm việc theo hợp đồng làm việc xác định thời hạn có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong các trường hợp sau:
 - a) Không được bố trí theo đúng vị trí việc làm, địa điểm làm việc hoặc không được bảo đảm các điều kiện làm việc đã thỏa thuận trong hợp đồng làm việc;

b) Không được trả lương đầy đủ hoặc không được trả lương đúng thời hạn theo hợp đồng làm việc;

c) Bị ngược đãi; bị cưỡng bức lao động;

d) Bản thân hoặc gia đình thật sự có hoàn cảnh khó khăn không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng;

đ) Viên chức nữ có thai phải nghỉ việc theo chỉ định của cơ sở chữa bệnh;

e) Viên chức ốm đau hoặc bị tai nạn đã điều trị từ 03 tháng liên tục mà khả năng làm việc chưa hồi phục.

3. Viên chức phải thông báo bằng văn bản về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc cho người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập biết trước ít nhất 03 ngày đối với các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, đ và e khoản 5 Điều này; ít nhất 30 ngày đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 5 Điều này.

- Nguyên tắc việc bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp đối với viên chức (Khoản 1 Điều 31 của Luật Viên chức):

a) Làm việc ở vị trí việc làm nào thì bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp tương ứng với vị trí việc làm đó;

b) Người được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp nào thì phải có đủ tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp đó.

Nội dung 7.

- Chế độ thôi việc (Điều 45 của Luật Viên chức):

1. Khi chấm dứt hợp đồng làm việc, viên chức được hưởng trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm hoặc chế độ bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về lao động và pháp luật về bảo hiểm xã hội, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Viên chức không được hưởng trợ cấp thôi việc nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Bị buộc thôi việc;

b) Đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc mà vi phạm quy định tại các khoản 4, 5 và 6 Điều 29 của Luật Viên chức;

c) Chấm dứt hợp đồng làm việc theo quy định tại khoản 5 Điều 28 của Luật Viên chức.

- Chế độ hưu trí (Điều 46 của Luật Viên chức):

1. Viên chức được hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về lao động và pháp luật về bảo hiểm xã hội.

2. Trước 06 tháng, tính đến ngày viên chức nghỉ hưu, cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý viên chức phải thông báo bằng văn bản về thời điểm nghỉ hưu; trước 03 tháng, tính đến ngày viên chức nghỉ hưu, cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý viên chức ra quyết định nghỉ hưu.

3. Đơn vị sự nghiệp công lập có thể ký hợp đồng vụ, việc với người hưởng chế độ hưu trí nếu đơn vị có nhu cầu và người hưởng chế độ hưu trí có nguyện vọng; trong thời gian hợp đồng, ngoài khoản thù lao theo hợp đồng, người đó được hưởng một số chế độ, chính sách cụ thể về cơ chế quản lý, bảo đảm điều kiện cho hoạt động chuyên môn do Chính phủ quy định.

Nội dung 8. Phân loại viên chức (Điều 3 Nghị định 29/2012/NĐ-CP):

1. Theo vị trí việc làm, viên chức được phân loại như sau:

a) Viên chức quản lý bao gồm những người quy định tại Khoản 1 Điều 3 Luật Viên chức (*Viên chức quản lý* là người được bổ nhiệm giữ chức vụ quản lý có thời hạn, chịu trách nhiệm điều hành, tổ chức thực hiện một hoặc một số công việc trong đơn vị sự nghiệp công lập nhưng không phải là công chức và được hưởng phụ cấp chức vụ quản lý);

b) Viên chức không giữ chức vụ quản lý bao gồm những người chỉ thực hiện chuyên môn nghiệp vụ theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Theo chức danh nghề nghiệp, viên chức được phân loại trong từng lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp với các cấp độ từ cao xuống thấp như sau:

- a) Viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng I;
- b) Viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng II;
- c) Viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng III;
- d) Viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng IV.

Nội dung 9. Mục tiêu, nguyên tắc đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức (Điều 32 của Nghị định 29/2012/NĐ-CP):

1. Mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng:

a) Cập nhật kiến thức, bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng và phương pháp thực hiện nhiệm vụ được giao;

b) Đào tạo góp phần xây dựng đội ngũ viên chức có đạo đức nghề nghiệp, có đủ trình độ và năng lực chuyên môn đảm bảo chất lượng của hoạt động nghề nghiệp.

2. Nguyên tắc đào tạo, bồi dưỡng:

a) Đào tạo, bồi dưỡng phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Bảo đảm tính tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng;

c) Khuyến khích viên chức học tập, nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ;

d) Bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả.

Nội dung 10. Giải quyết thôi việc (Điều 38 của Nghị định 29/2012/NĐ-CP):

1. Viên chức được giải quyết thôi việc trong các trường hợp sau:

a) Viên chức có đơn tự nguyện xin thôi việc được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản;

b) Viên chức đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc theo quy định tại Khoản 4 và Khoản 5 Điều 29 Luật Viên chức;

c) Đơn vị sự nghiệp công lập đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc với viên chức khi có một trong các trường hợp quy định tại Điểm c, Điểm d và Điểm đ Khoản 1 Điều 29 Luật Viên chức.

2. Viên chức chưa được giải quyết thôi việc nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Đang bị xem xét xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Chưa làm việc đủ thời gian cam kết với đơn vị sự nghiệp công lập khi được cử đi đào tạo hoặc khi được xét tuyển;

c) Chưa hoàn thành việc thanh toán các khoản tiền, tài sản thuộc trách nhiệm của viên chức đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

d) Do yêu cầu công tác và chưa bố trí được người thay thế.

Nội dung 11.

- Sửa đổi bổ sung khoản 2, khoản 3, bổ sung khoản 5 Điều 20 Nghị định 29/2012/NĐ-CP (Mục 11 Điều 2 Nghị định 161/2018/NĐ-CP):

1. Thời gian tập sự được quy định như sau:

a) 12 tháng đối với trường hợp tuyển dụng vào chức danh nghề nghiệp có yêu cầu tiêu chuẩn trình độ đào tạo đại học. Riêng đối với chức danh nghề nghiệp bậc sĩ là 09 tháng;

b) 09 tháng đối với trường hợp tuyển dụng vào chức danh nghề nghiệp có yêu cầu tiêu chuẩn trình độ đào tạo cao đẳng;

c) 06 tháng đối với trường hợp tuyển dụng vào chức danh nghề nghiệp có yêu cầu tiêu chuẩn trình độ đào tạo trung cấp.

2. Thời gian nghỉ sinh con theo chế độ bảo hiểm xã hội, thời gian nghỉ ốm đau từ 14 ngày trở lên, thời gian nghỉ không hưởng lương, thời gian bị tạm giam, tạm giữ, tạm đình chỉ công tác theo quy định của pháp luật không được tính vào thời gian tập sự.

3. Không thực hiện chế độ tập sự đối với các trường hợp đã có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo đúng quy định của pháp luật, được bố trí làm việc theo đúng ngành, nghề đào tạo hoặc theo đúng chuyên môn nghiệp vụ trước đây đã đảm nhiệm mà thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (nếu đứt quãng thì được cộng dồn) bằng hoặc lớn hơn thời gian tập sự quy định tại khoản 2 Điều này.”

- Sửa đổi bổ sung khoản 4 Điều 38 (Mục 12 Điều 2 Nghị định 161/2018/NĐ-CP)

“Điều 38. Giải quyết thôi việc đối với viên chức

4. Không thực hiện chế độ thôi việc đối với các trường hợp sau:

a) Viên chức được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại cơ quan, tổ chức, đơn vị khác trong hệ thống chính trị;

b) Viên chức đã có thông báo nghỉ hưu hoặc thuộc đối tượng tinh giản biên chế theo quy định của pháp luật.”

Nội dung 12. Nguyên tắc xử lý kỷ luật (Điều 3 Nghị định 27/2012/NĐ-CP):

1. Khách quan, công bằng, nghiêm minh, đúng pháp luật.

2. Mỗi hành vi vi phạm pháp luật chỉ bị xử lý một hình thức kỷ luật. Nếu viên chức có nhiều hành vi vi phạm pháp luật hoặc tiếp tục có hành vi vi phạm pháp luật trong thời gian đang thi hành quyết định kỷ luật thì bị xử lý kỷ luật về từng hành vi vi phạm pháp luật và chịu hình thức kỷ luật nặng hơn một mức so với hình thức kỷ luật áp dụng với hành vi vi phạm nặng nhất, trừ trường hợp có hành vi vi phạm bị xử lý kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc.

3. Thái độ tiếp thu, sửa chữa và chủ động khắc phục hậu quả của viên chức có hành vi vi phạm pháp luật là yếu tố xem xét tăng nặng hoặc giảm nhẹ khi áp dụng hình thức kỷ luật.

4. Thời gian chưa xem xét xử lý kỷ luật đối với viên chức trong các trường hợp quy định tại Điều 5 Nghị định này không tính vào thời hạn xử lý kỷ luật.

5. Không áp dụng hình thức xử phạt hành chính thay cho hình thức kỷ luật.

6. Cấm mọi hành vi xâm phạm thân thể, danh dự, nhân phẩm của viên chức trong quá trình xử lý kỷ luật.

Nội dung 13.

- Các trường hợp chưa xem xét xử lý kỷ luật (Điều 5 Nghị định 27/2012/NĐ-CP):

1. Đang trong thời gian nghỉ hàng năm, nghỉ theo chế độ, nghỉ việc riêng được người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập cho phép;

2. Đang trong thời gian điều trị, chữa bệnh có xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền;

3. Viên chức nữ đang trong thời gian mang thai, nghỉ thai sản, đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi;

4. Đang bị tạm giữ, tạm giam chờ kết luận của cơ quan có thẩm quyền điều tra, truy tố, xét xử về hành vi vi phạm pháp luật.

- Các trường hợp được miễn xử lý kỷ luật (Điều 6 Nghị định 27/2012/NĐ-CP):

1. Được cơ quan có thẩm quyền xác nhận tình trạng mất năng lực hành vi dân sự khi vi phạm pháp luật;

2. Được cấp có thẩm quyền xác nhận có hành vi vi phạm pháp luật trong tình thế bất khả kháng khi thực hiện công việc, nhiệm vụ.

Nội dung 14. Hình thức kỷ luật Khiển trách áp dụng đối với viên chức có hành vi vi phạm pháp luật nào (Điều 10 Nghị định 27/2012/NĐ-CP):

Hình thức kỷ luật khiển trách áp dụng đối với viên chức có một trong các hành vi vi phạm pháp luật sau đây:

1. Vi phạm các quy định, nội quy, quy chế làm việc của đơn vị sự nghiệp công lập đã được người có thẩm quyền nhắc nhở bằng văn bản;

2. Không tuân thủ quy trình, quy định chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp và quy tắc ứng xử trong khi thực hiện hoạt động nghề nghiệp, đã được người có thẩm quyền nhắc nhở bằng văn bản;

3. Không chấp hành sự phân công công tác của người có thẩm quyền hoặc không thực hiện công việc, nhiệm vụ đã cam kết trong hợp đồng làm việc mà không có lý do chính đáng;

4. Có thái độ hách dịch, cửa quyền hoặc gây khó khăn, phiền hà đối với nhân dân trong quá trình thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ được giao;

5. Gây mất đoàn kết trong đơn vị;

6. Tự ý nghỉ việc, tổng số từ 03 đến dưới 05 ngày làm việc trong một tháng được tính trong tháng dương lịch hoặc từ 03 đến dưới 05 ngày làm việc liên tiếp, mà không có lý do chính đáng;

7. Sử dụng tài sản của đơn vị sự nghiệp công lập và của nhân dân trái với quy định của pháp luật.

8. Vi phạm quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; kỷ luật lao động; bình đẳng giới; phòng, chống tệ nạn xã hội và các quy định khác của pháp luật liên quan đến viên chức.

Nội dung 15. Hình thức kỷ luật buộc thôi việc áp dụng đối với viên chức có hành vi vi phạm pháp luật nào (Điều 13 Nghị định 27/2012/NĐ-CP):

Hình thức kỷ luật buộc thôi việc áp dụng đối với viên chức có một trong các hành vi vi phạm pháp luật sau đây:

1. Bị phạt tù mà không được hưởng án treo hoặc bị Tòa án kết án về hành vi tham nhũng;

2. Không tuân thủ quy trình, quy định chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp và quy tắc ứng xử trong khi thực hiện hoạt động nghề nghiệp gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng;

3. Sử dụng giấy tờ không hợp pháp để được tuyển dụng vào đơn vị sự nghiệp công lập;

4. Nghiện ma túy có xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền;

5. Tự ý nghỉ việc, tổng số từ 07 ngày làm việc trở lên trong một tháng hoặc từ 20 ngày làm việc trở lên trong một năm mà không có lý do chính đáng được tính trong tháng dương lịch; năm dương lịch;

6. Vi phạm ở mức độ đặc biệt nghiêm trọng quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự; quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; kỷ luật lao động; phòng, chống tệ nạn xã hội và các quy định khác của pháp luật liên quan đến viên chức.

III. Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân và chức năng nhiệm vụ của Sở Y tế.

Nội dung 1. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ sức khỏe. Nguyên tắc chỉ đạo công tác bảo vệ sức khỏe (Điều 1, 2 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân).

- Quyền và nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ sức khỏe (Điều 1 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân).

1. Công dân có quyền được bảo vệ sức khỏe, nghỉ ngơi, giải trí, rèn luyện thân thể; được bảo đảm vệ sinh trong lao động, vệ sinh dinh dưỡng, vệ sinh môi trường sống và được phục vụ về chuyên môn y tế.

2. Bảo vệ sức khỏe là sự nghiệp của toàn dân. Tất cả công dân có nghĩa vụ thực hiện nghiêm chỉnh những quy định của pháp luật về bảo vệ sức khỏe nhân dân để giữ gìn sức khỏe cho mình và cho mọi người.

- Nguyên tắc chỉ đạo công tác bảo vệ sức khỏe (Điều 2 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân).

1. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục vệ sinh trong nhân dân; tiến hành các biện pháp dự phòng, cải tạo và làm sạch môi trường sống; bảo đảm tiêu chuẩn vệ sinh lao động, vệ sinh lương thực, thực phẩm và nước uống theo quy định của Hội đồng bộ trưởng.

2. Mở rộng mạng lưới nhà nghỉ, nhà điều dưỡng, cơ sở tập luyện thể dục thể thao; kết hợp lao động, học tập với nghỉ ngơi và giải trí; phát triển thể dục thể thao quần chúng để duy trì và phục hồi khả năng lao động.

3. Hoàn thiện, nâng cao chất lượng và phát triển mạng lưới phòng, chống dịch, khám bệnh, chữa bệnh; kết hợp phát triển hệ thống y tế Nhà nước với y tế tập thể và y tế tư nhân.

4. Xây dựng nền y học Việt Nam kế thừa và phát triển nền y học, dược học cổ truyền dân tộc; kết hợp y học, dược học hiện đại với y học, dược học cổ truyền dân tộc, nghiên cứu và ứng dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật của y học thế giới vào thực tiễn Việt Nam, xây dựng các mũi nhọn khoa học y học, dược học Việt Nam.

Nội dung 2. Trách nhiệm của Nhà nước trong công tác bảo vệ sức khỏe nhân dân (Điều 3 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân)

1. Nhà nước chăm lo bảo vệ và tăng cường sức khoẻ nhân dân; đưa công tác bảo vệ sức khoẻ nhân dân vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách Nhà nước; quyết định những chế độ chính sách, biện pháp để bảo vệ và tăng cường sức khoẻ nhân dân.

2. Bộ y tế có trách nhiệm quản lý, hoàn thiện, nâng cao chất lượng và phát triển hệ thống phòng bệnh, chống dịch, khám bệnh, chữa bệnh, sản xuất, lưu thông thuốc và thiết bị y tế, kiểm tra việc thực hiện các quy định về chuyên môn nghiệp vụ y, dược.

3. Hội đồng nhân dân các cấp dành tỷ lệ ngân sách thích đáng cho công tác bảo vệ sức khoẻ nhân dân ở địa phương; thường xuyên giám sát, kiểm tra việc tuân theo pháp luật về bảo vệ sức khoẻ nhân dân của Uỷ ban nhân dân cùng cấp, của các cơ quan, các tổ chức xã hội, cơ sở sản xuất, kinh doanh của Nhà nước, tập thể, tư nhân và mọi công dân trong địa phương. Uỷ ban nhân dân các cấp có trách nhiệm thực hiện các biện pháp để bảo đảm vệ sinh ăn, ở, sinh hoạt, vệ sinh công cộng cho nhân dân trong địa phương; lãnh đạo các cơ quan y tế trực thuộc, chỉ đạo sự phối hợp giữa các ngành, các tổ chức xã hội trong địa phương để thực hiện những quy định của pháp luật về bảo vệ sức khoẻ nhân dân.

Nội dung 3. Trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, các đơn vị vũ trang nhân dân. Trách nhiệm của các tổ chức xã hội trong công tác bảo vệ sức khỏe nhân dân (Điều 4, 5 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân)

- Trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, các đơn vị vũ trang nhân dân (Điều 4 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân).

Các cơ quan Nhà nước, các cơ sở sản xuất, kinh doanh của Nhà nước, các đơn vị vũ trang nhân dân (gọi chung là các tổ chức Nhà nước), các cơ sở sản xuất, kinh doanh của tập thể và tư nhân có trách nhiệm trực tiếp chăm lo, bảo vệ, tăng cường sức khoẻ của những thành viên trong cơ quan, đơn vị mình và đóng góp tiền của, công sức theo khả năng cho công tác bảo vệ sức khoẻ nhân dân.

- Trách nhiệm của các tổ chức xã hội (Điều 5 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân).

1. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng liên đoàn lao động Việt Nam, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội nông dân Việt Nam, Tổng hội y dược học Việt Nam, Hội y học cổ truyền dân tộc Việt Nam và các tổ chức xã hội khác động viên, giáo dục các thành viên trong tổ chức thực hiện những quy định của pháp luật về bảo vệ sức khỏe nhân dân và tham gia tích cực vào sự nghiệp bảo vệ sức khỏe nhân dân trong phạm vi điều lệ của tổ chức mình.

2. Hội chữ thập đỏ Việt Nam tuyên truyền, phổ biến những kiến thức y học thường thức cho hội viên và nhân dân, vận động nhân dân thực hiện các biện pháp giữ gìn sức khỏe cho bản thân và cho mọi người, hiến máu cứu người; tổ chức cứu trợ nhân dân khi có tai nạn, thiên tai, dịch bệnh và chiến tranh xảy ra.

Nội dung 4. Vệ sinh lương thực, thực phẩm, các loại nước uống và rượu. Vệ sinh nước và các nguồn nước dùng trong sinh hoạt của nhân dân. Vệ sinh trong sản xuất, bảo quản, vận chuyển và sử dụng hoá chất (Điều 7, 8, 9 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân).

- Vệ sinh lương thực, thực phẩm, các loại nước uống và rượu (Điều 7 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân).

1. Các tổ chức Nhà nước, tập thể, tư nhân khi sản xuất, chế biến, bao bì đóng gói, bảo quản, vận chuyển lương thực, thực phẩm, các loại nước uống và rượu phải bảo đảm tiêu chuẩn vệ sinh. Khi đưa các hoá chất mới, nguyên liệu mới hoặc các chất phụ gia mới vào chế biến, bảo quản lương thực, thực phẩm, các loại nước uống, rượu và sản phẩm các loại bao bì đóng gói phải được phép của Sở y tế.

2. Nghiêm cấm sản xuất, lưu thông, xuất khẩu, nhập khẩu những mặt hàng lương thực, thực phẩm, các loại nước uống và rượu không bảo đảm tiêu chuẩn vệ sinh.

3. Người đang mắc bệnh truyền nhiễm không được làm những công việc có liên quan trực tiếp đến thực phẩm, các loại nước uống và rượu.

- Vệ sinh nước và các nguồn nước dùng trong sinh hoạt của nhân dân (Điều 8 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân).

1. Các cơ quan, xí nghiệp cấp nước phải bảo đảm tiêu chuẩn vệ sinh nước dùng trong sinh hoạt của nhân dân.

2. Nghiêm cấm các tổ chức Nhà nước, tập thể, tư nhân và mọi công dân làm ô nhiễm các nguồn nước dùng trong sinh hoạt của nhân dân.

- Vệ sinh trong sản xuất, bảo quản, vận chuyển và sử dụng hoá chất (Điều 9 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân)

1. Các tổ chức Nhà nước, tập thể, tư nhân và mọi công dân khi sản xuất, bảo quản, vận chuyển, sử dụng phân bón, thuốc trừ sâu, diệt cỏ, diệt chuột, hoá chất kích thích sinh trưởng vật nuôi, cây trồng và các loại hoá chất khác phải bảo đảm tiêu chuẩn vệ sinh, không gây nguy hại đến sức khoẻ con người.

2. Các cơ sở sản xuất mỹ phẩm, đồ chơi trẻ em, đồ dùng vệ sinh cá nhân bằng hoá chất phải bảo đảm tiêu chuẩn vệ sinh.

Nội dung 5. Vệ sinh trong trường học và nhà trẻ. Vệ sinh trong lao động. Vệ sinh nơi công cộng (Điều 13, 14, 15 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân)

- Vệ sinh trong trường học và nhà trẻ (Điều 13 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân)

1. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, ngành giáo dục và các ngành có liên quan phải từng bước bảo đảm cơ sở vật chất, trang thiết bị, ánh sáng, đồ dùng giảng dạy, học tập ở trường học và nhà trẻ, không làm ảnh hưởng đến sức khoẻ của học sinh và giáo viên.

2. Hiệu trưởng các trường học và Chủ nhiệm các nhà trẻ phải bảo đảm thực hiện chương trình học tập rèn luyện đã được quy định; bảo đảm vệ sinh trường, lớp và nhà trẻ.

- Vệ sinh trong lao động (Điều 14 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân)

1. Các tổ chức Nhà nước, tập thể và tư nhân phải thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn lao động, bảo đảm tiêu chuẩn vệ sinh về độ nóng, ẩm, khói, bụi, tiếng ồn, rung chuyển và về các yếu tố độc hại khác trong lao động sản xuất để bảo vệ sức khoẻ, phòng, chống bệnh nghề nghiệp cho người lao động, không gây ảnh hưởng xấu đến môi trường xung quanh.

2. Đơn vị và cá nhân sử dụng lao động phải tổ chức việc khám sức khoẻ định kỳ cho người lao động và phải phải bảo đảm trang bị bảo hộ lao động cần thiết cho người lao động.

- Vệ sinh nơi công cộng (Điều 15 Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân)

